TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 12 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng

2. Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp RB, xã T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp HR, xã TG, tỉnh Cà Mau.

Số CCCD: 096171001223, cấp ngày 05/66/2022.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp RB, xã T, tỉnh Cà Mau.

Số CMND: 3814317773, cấp ngày 11/8/2012, tại Công an tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 23/10/2025 và biên bản xin vắng mặt ngày 10/11/2025, bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PL, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là xã T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh

thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà L cho rằng vợ chồng không phù hợp, không còn tình cảm, thường xuyên cải nhau, cuộc sống không êm ấm, hạnh phúc nên vợ, chồng bà đã tự ly thân khoảng 02 năm nay. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung: Bà xác định không có.

- Về nợ chung: Bà xác định không có.

Do điều kiện làm ăn ở xa nên bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Đối với ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Nguyễn Thị L và việc vắng mặt của ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2022 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế giữa bà L và ông T là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ, chồng giữa ông, bà có nhiều điểm bất đồng, không hòa hợp nhau, thường xuyên cải vả, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và sinh hoạt riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, thực tế ông, bà không còn sống chung vợ chồng đã 02 năm nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà L xác định giữa bà và ông T không có con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L khai rằng giữa bà và ông T không có nợ ai và không ai nợ lại bà và ông T nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 23 tháng 10 năm 2025, bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3022 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải